

Tăng tỷ trọng

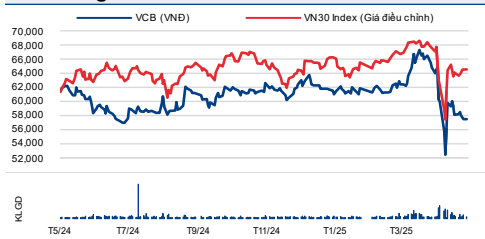
Giá mục tiêu: VNĐ73,200

Tiềm năng tăng/giảm: 27.7%

Giá cổ phiếu (đồng) (29/4/2025)	57,300
Mã Bloomberg	VCB VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	52,500-67,300
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	57,433
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	478,781
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	18,411
Slg CP lưu hành (tr.đv)	8,356
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	2,507
Slg CP NN được mua (tr.đv)	380
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	30.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	25.5%
Tỷ lệ freefloat	6.64%
Cổ đông lớn	NHNN Việt Nam (74.8%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-24A	12-25F	12-26F
Tổng tài sản (ntđ)	2,085	2,391	2,761
Dư nợ cho vay (ntđ)	1,449	1,683	1,953
Tổng thu nhập HĐ (ntđ)	68.6	79.2	95.0
Lợi nhuận thuần (ntđ)	33.8	39.4	45.0
BVPS (đồng)	23,799	30,875	35,531
EPS (đồng)	4,049	4,566	5,061
DPS (đồng)	0	0	0
T.trưởng cho vay KH (%)	14.1	16.1	16.1
T.trưởng thu nhập HĐ (%)	1.26	15.4	20.0
Tăng trưởng EPS (%)	2.42	12.8	10.8
Tăng trưởng DPS (%)	nm	nm	nm
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	0	0	0
ROAE (%)	18.6	16.6	15.2
ROAA (%)	1.72	1.76	1.75
Tỷ lệ NIM (%)	2.86	2.93	3.07
Tỷ lệ CIR (%)	33.6	31.6	29.9
Hệ số CAR (%)	12.0	14.3	14.2
Tỷ lệ nợ xấu (%)	0.96	0.96	0.90
LLR/nợ xấu (%)	223	198	200
Hệ số LDR (%)	95.7	99.0	97.0
P/B (lần)	2.41	1.86	1.61
P/E (lần)	14.2	12.5	11.3
Lợi suất cổ tức (%)	0	0	0

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

VCB là ngân hàng lớn thứ 4 tại Việt Nam xét trên quy mô tài sản và dư nợ. VCB là ngân hàng có lợi thế về chi phí vốn, quản trị rủi ro thận trọng và chất lượng tài sản hàng đầu.

Chuyên viên phân tích

Nguyễn Thanh Tùng, CFA

Trưởng phòng, Ngành Dịch Vụ Tài Chính
tung.nguyenthanh@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4869

Phạm Liên Hà, CFA

Giám đốc, Ngành Dịch Vụ Tài Chính
ha.plien@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4852

LNTT Q1 tăng 1,3%, sát với dự báo

- LNTT Q1/2025 tăng 1,3% so với cùng kỳ, sát với dự báo của chúng tôi. Tuy nhiên, tổng thu nhập hoạt động thấp hơn so với dự báo do tỷ lệ NIM giảm 15 điểm cơ bản so với quý trước.
- Tăng trưởng tín dụng đạt 1,2% so với đầu năm, vốn huy động giảm 1% so với đầu năm, được bù đắp với tiền gửi từ Kho bạc Nhà nước tăng 56% so với quý trước. Thu nhập ngoài lãi tăng 11,7% so với cùng kỳ nhờ lãi thuần HĐ kinh doanh ngoại hối tăng trưởng mạnh, trong khi thu nhập phí thấp hơn so với dự báo.
- Chất lượng tài sản ổn định với tỷ lệ nợ xấu ở mức 1% và chi phí dự phòng giảm 44%. Rủi ro từ chính sách thuế quan của Mỹ đối với Ngân hàng nhiều khả năng sẽ cao hơn trung bình ngành.
- HSC đang xem xét lại giá mục tiêu và khuyến nghị.

Sự kiện: Công bố KQKD Q1/2025

VCB đã công bố LNTT Q1/2025 đạt 10,9 nghìn tỷ đồng, tăng 1,3% so với cùng kỳ và bằng 22% dự báo cả năm của chúng tôi. Mặc dù lợi nhuận sát với dự báo, tỷ lệ NIM thấp hơn kỳ vọng được bù đắp một phần nhờ chất lượng tài sản tốt hơn và chi phí dự phòng thấp hơn dự báo. Ngân hàng đặt kế hoạch rất thận trọng cho năm 2025 với LNTT tăng trưởng 3,5%, kế hoạch này đã được thông qua tại ĐHCĐ.

Tăng trưởng tín dụng đạt 1,2% so với đầu năm

Tăng trưởng tín dụng chỉ đạt 1,2% kể từ đầu năm, thấp hơn bình quân ngành. HSC tin rằng VCB đã chuyển nhượng một số khoản vay đáng kể cho VCB Neo - ngân hàng '0 đồng' - thông tin chi tiết vẫn chưa được công bố. Tăng trưởng cho vay trong Q1 chủ yếu là các khoản cho vay ngắn hạn, phần nào gây sức ép lên tỷ lệ NIM.

Tiền gửi khách hàng và giấy tờ có giá giảm 1% trong Q1/2025, từ đó làm hệ số LDR điều chỉnh (tín dụng/tiền gửi khách hàng & giấy tờ có giá) tăng 2 điểm phần trăm lên gần 97% tại thời điểm cuối Q1/2025. Ngược lại, vốn huy động từ Kho bạc Nhà nước tăng 56% so với quý trước lên 121 nghìn tỷ đồng - phản ánh nỗ lực của Chính phủ nhằm hạ nhiệt lãi suất.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 5/5.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: KQKD Q1/2025, VCB

Tổng thu nhập HĐ không đạt kỳ vọng nhưng chi phí dự phòng cũng thấp hơn dự báo

Tỷ đồng	Q1/24	Q1/25	% so với cùng kỳ	2025 HSCF	% dự báo
Thu nhập lãi thuần	14,078	13,687	-2.8%	64,723	21.1%
Thu nhập ngoài lãi	3,202	3,578	11.7%	14,449	24.8%
Lãi thuần HĐ dịch vụ	1,442	806	-44.1%	4,657	17.3%
Lãi thuần HĐKD ngoại hối	1,198	2,024	69.0%	6,350	31.9%
Lãi thuần mua bán trái phiếu	23	36	59.8%	72	50.6%
Thu nhập khác	508	663	30.5%	3,063	21.6%
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	32	48	49.7%	307	15.7%
Tổng thu nhập HĐ	17,280	17,265	-0.1%	79,172	21.8%
Chi phí HĐ	-5,054	-5,652	11.8%	-25,027	22.6%
Lợi nhuận trước trích lập dự phòng	12,226	11,612	-5.0%	54,146	21.4%
Chi phí dự phòng	-1,508	-752	-50.1%	-4,874	15.4%
LNTT	10,718	10,860	1.3%	49,272	22.0%
Lợi nhuận thuần	8,580	8,696	1.4%	39,394	22.1%

Nguồn: VCB, HSC

Nhìn chung, tăng trưởng tín dụng và vốn huy động sát với dự báo của chúng tôi. VCB đặt kế hoạch tăng trưởng tín dụng cả năm đạt 16,28%, bao gồm các khoản vay chuyển nhượng cho VCB Neo.

Tỷ lệ NIM giảm 15 điểm cơ bản so với quý trước xuống 2,64%

Tỷ lệ NIM giảm 15 điểm cơ bản so với quý trước (giảm 51 điểm cơ bản so với cùng kỳ) xuống 2,64%, do chi phí huy động tăng lên trong khi lợi suất gộp vẫn đi ngang so với quý trước ở mức 4,74%, mức thấp nhất trong số các NHTM trong phạm vi phân tích.

Nhìn chung, tỷ lệ NIM thấp hơn so với dự báo của chúng tôi và kế hoạch trước đó của BLĐ (tỷ lệ NIM đi ngang so với cùng kỳ trong năm 2025). Tuy nhiên, VCB vẫn còn dư địa để cải thiện tỷ lệ NIM thông qua đẩy mạnh giải ngân các khoản vay trung và dài hạn cho các dự án đầu tư công.

Thu nhập phí thấp hơn dự báo, lãi thuần HĐ kinh doanh ngoại hối vượt kỳ vọng

Thu nhập ngoài lãi tăng 11,7% so với cùng kỳ, bằng 25% dự báo cả năm và cao hơn dự báo Q1 của chúng tôi. Kết quả này là nhờ lãi thuần HĐ kinh doanh ngoại hối tăng 69% so với cùng kỳ và tăng 28% so với quý trước, trong khi thu nhập phí kém tích cực, giảm 44% so với cùng kỳ. Mặc dù chúng tôi đã tính đến việc thiếu hụt khoản phí trả trước bancassurance trong năm nay (do đã phân bổ hết) - đóng góp 33% lãi thuần HĐ dịch vụ năm 2024 - kết quả Q1/2025 vẫn thấp hơn so với dự báo của chúng tôi. Cơ cấu cụ thể của thu nhập phí dự kiến sẽ được công bố trong cuộc họp với các chuyên viên phân tích sắp tới.

Chất lượng tài sản ổn định

Tỷ lệ nợ xấu chỉ tăng nhẹ 7 điểm cơ bản so với quý trước lên 1,03%, trong khi tỷ lệ bao phủ nợ xấu LLR ổn định ở mức gần 220%. Chi phí dự phòng giảm 50% so với cùng kỳ do nợ xấu mới hình thành giảm xuống (tốt hơn dự báo) và hoàn nhập dự phòng cho vay LNH tăng lên so với Q1/2024 (nằm trong kỳ vọng). Ngân hàng đặt kế hoạch tỷ lệ nợ xấu năm 2025 dưới 1,5%.

BLĐ dự đoán rủi ro từ chính sách thuế quan sẽ cao hơn bình quân

Tại ĐHCĐ, HĐQT đã chia sẻ quan điểm về rủi ro từ chính sách thuế quan của Mỹ:

- VCB ước tính thuế suất tăng mỗi 15 điểm phần trăm sẽ làm giảm 10% KNXX sang Mỹ. Nếu thuế suất tăng lên 46%, KNXX có thể giảm 55%.
- HĐQT ước tính rủi ro từ chính sách thuế quan sẽ cao hơn bình quân do (1) VCB nắm giữ 20% thị phần thanh toán quốc tế và tài trợ thương mại và (2) khách hàng FDI chiếm 20% phân khúc khách hàng doanh nghiệp và 40% tiền gửi khách hàng doanh nghiệp, cao hơn bình quân ngành.
- VCB đang tích cực làm việc với Chính phủ và khách hàng để giảm thiểu rủi ro này. Một dẫn chứng gần đây là việc VCB thỏa thuận tài trợ dự án nhập khẩu tàu bay Boeing.

HSC đang xem xét lại khuyến nghị và giá mục tiêu

VCB đặt kế hoạch rất thận trọng với LNTT chỉ tăng trưởng 3,5%. Mặc dù trong quá khứ Ngân hàng thường ghi nhận kết quả vượt kế hoạch, nhưng trong 2 năm qua - khi nền kinh tế yếu - VCB chỉ hoàn thành 96% kế hoạch trong năm 2023 và 100% trong năm 2024, do Ngân hàng phải hi sinh lợi nhuận (thông qua việc giảm tỷ lệ NIM) để hỗ trợ nền kinh tế.

Trong khi LNTT Q1 sát với dự báo, tỷ lệ NIM sụt giảm trong kỳ cùng kế hoạch thận trọng của Ngân hàng là rủi ro đối với dự báo năm 2025 của chúng tôi, đặc biệt là đối với tỷ lệ NIM. HSC đang xem xét lại khuyến nghị và giá mục tiêu.

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (nghìn tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Thu nhập lãi	108	93.7	109	139	170
Chi phí lãi	(54.5)	(38.2)	(44.7)	(61.1)	(79.0)
Thu nhập lãi thuần	53.6	55.4	64.7	77.9	91.2
Lãi thuần HĐ dịch vụ	5.78	5.14	4.66	5.88	7.15
Lãi thuần HĐ KDNH	5.66	5.29	6.35	7.67	9.07
Lãi/lỗ từ mua bán CK	0.12	0.07	0.07	0.08	0.09
Thu nhập từ góp vốn, mua cp	0.27	0.31	0.31	0.31	0.31
Thu nhập khác	2.27	2.37	3.06	3.19	3.11
Tổng thu nhập HĐ	67.7	68.6	79.2	95.0	111
Chi phí HĐ	(21.9)	(23.0)	(25.0)	(28.4)	(32.7)
LN trước dự phòng	45.8	45.6	54.1	66.6	78.3
Chi phí dự phòng	(4.56)	(3.31)	(4.87)	(10.3)	(12.5)
Lãi/lỗ từ Cty LD,LK	-	-	-	-	-
LNTT	41.2	42.2	49.3	56.3	65.7
Chi phí thuế TNDN	(8.19)	(8.38)	(9.85)	(11.3)	(13.1)
Lợi ích cổ đông thiểu số	(0.02)	(0.02)	(0.02)	(0.03)	(0.03)
Lợi nhuận thuần	33.0	33.8	39.4	45.0	52.5
EPS (đồng)	3,953	4,049	4,566	5,061	5,904
DPS (đồng)	0	0	0	0	1,164
Slg CP bình quân (triệu đv)	8,356	8,356	8,627	8,899	8,899
Slg CP cuối kỳ (triệu đv)	8,356	8,356	8,899	8,899	8,899
Slg CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	8,356	8,356	8,899	8,899	8,899

Bảng cân đối kế toán (nghìn tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Tài sản					
Tiền & tương đương tiền	14.5	14.3	15.5	18.4	21.6
Tiền gửi tại NHNN	58.1	49.3	51.8	61.3	72.0
Tiền gửi tại các TCTD khác	336	389	432	482	563
Chứng khoán kinh doanh	2.50	4.58	5.76	6.77	7.90
Các công cụ tài chính phái sinh	0	1.31	1.31	1.31	1.31
Số dư cho vay thuần	1,242	1,418	1,651	1,918	2,207
Tổng dư nợ cho vay	1,270	1,449	1,683	1,953	2,248
Dự phòng rủi ro	(28.7)	(31.2)	(31.9)	(35.1)	(40.4)
Chứng khoán đầu tư	146	167	187	219	256
CK đầu tư sẵn sàng để bán	67.9	86.8	96.3	113	132
CK đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	78.0	80.8	90.6	106	124
Dự phòng rủi ro	(0.11)	(0.25)	(0.14)	(0.16)	(0.17)
Đầu tư dài hạn	2.22	2.23	2.23	2.23	2.23
Tài sản cố định	7.71	8.09	8.59	9.09	9.59
Tài sản khác	30.7	30.9	36.6	42.4	49.7
Tổng tài sản	1,840	2,085	2,391	2,761	3,191
Nợ phải trả	1,675	1,886	2,116	2,445	2,836
Tiền gửi của NHNN	1.67	78.2	78.3	39.6	20.3
Tiền gửi của các TCTD khác	214	235	271	314	361
Tổng tiền gửi KH	1,396	1,515	1,699	2,013	2,365
Trái phiếu và CCTG	19.9	24.1	27.1	30.7	36.0
Nợ khác	43.4	34.8	40.6	47.1	54.2
Vốn chủ sở hữu	165	199	275	316	354
Vốn điều lệ	55.9	55.9	89.0	89.0	89.0
Thặng dư vốn cổ phần	5.00	5.00	39.2	39.2	39.2
Lợi nhuận giữ lại	76.8	111	114	150	181
Quỹ & vốn khác của CSH	27.3	27.3	32.4	38.3	45.0
Lợi ích cổ đông thiểu số	0.09	0.10	0.10	0.10	0.10
Tổng nợ phải trả và vốn CSH	1,840	2,085	2,391	2,761	3,191
BVPS (đồng)	19,737	23,799	30,875	35,531	39,799

Chỉ số tăng trưởng, hiệu quả & định giá	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Chỉ số tăng trưởng					
Tăng trưởng tổng TS (%)	1.42	13.4	14.6	15.5	15.6
Tăng trưởng cho vay KH (%)	10.9	14.1	16.1	16.1	15.1
Tăng trưởng huy động KH (%)	12.2	8.52	12.2	18.5	17.4
Tăng trưởng tiền gửi và CCTG (%)	11.6	8.70	12.2	18.4	17.4
Tăng trưởng VCSH (%)	21.7	20.6	38.2	15.1	12.0
Tăng trưởng thu nhập lãi thuần (%)	0.70	3.33	16.8	20.4	17.1
Tăng/giảm chi phí hoạt động (%)	3.13	5.08	8.68	13.5	15.2
Tăng trưởng LN trước dự phòng (%)	(2.19)	(0.56)	18.9	23.1	17.4
Tăng trưởng LNTT (%)	10.4	2.41	16.7	14.3	16.6
Tăng trưởng LN thuần (%)	10.5	2.42	16.4	14.3	16.6

Chỉ số hiệu quả					
Tổng TN HĐ/Tổng TS BQ (%)	3.71	3.49	3.54	3.69	3.73
Chi phí/Tổng TS bình quân (%)	(1.20)	(1.17)	(1.12)	(1.10)	(1.10)
TS sinh lãi BQ/tổng TS BQ (%)	98.0	98.8	98.7	98.6	98.6
Tổng TN HĐ/nhân viên (tỷ đồng)	2.88	2.82	3.13	3.62	4.06
LN thuần/CN, Phòng GD (tỷ đồng)	51.4	52.3	59.7	67.2	77.3

Chỉ số định giá					
P/E (lần)	14.5	14.2	12.5	11.3	9.71
P/B (lần)	2.90	2.41	1.86	1.61	1.44
Lợi suất cổ tức (%)	0	0	0	0	2.03

Chỉ số lợi nhuận & chỉ số khác	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Chỉ số lợi nhuận					
TN thuần/Tổng TN HĐ (%)	48.8	49.3	49.8	47.4	47.3
ROAA (%)	1.81	1.72	1.76	1.75	1.77
ROAE (%)	22.0	18.6	16.6	15.2	15.7
Chi phí huy động BQ (%)	3.41	2.20	2.28	2.73	3.05
Lợi suất góp BQ (%)	6.04	4.83	4.95	5.47	5.80
Lợi suất thuần (%)	2.64	2.63	2.68	2.74	2.75
Tỷ lệ NIM (%)	3.00	2.86	2.93	3.07	3.11
TN lãi thuần/Tổng TN HĐ (%)	8.53	7.49	5.88	6.19	6.44
Lãi thuần HĐ DV/Tổng TN HĐ (%)	79.2	80.8	81.7	82.0	82.2
TN ngoài lãi khác/Tổng TN HĐ (%)	12.3	11.7	12.4	11.8	11.3
Tỷ lệ CIR (%)	32.4	33.6	31.6	29.9	29.5
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	0	0	0	0	19.7

Chỉ số an toàn vốn					
Hệ số CAR (%)	11.4	12.0	14.3	14.2	13.7
VCSH/Tổng TS (%)	8.96	9.54	11.5	11.5	11.1
Đòn bẩy vốn (lần)	11.2	10.5	8.70	8.73	9.01

Chỉ số chất lượng tài sản					
Tỷ lệ nợ xấu (%)	0.98	0.96	0.96	0.90	0.90
Hệ số LLR (%)	230	223	198	200	200

Chỉ số thanh khoản					
Hệ số LDR (%)	91.0	95.7	99.0	97.0	95.0
Vay liên NH/ Tổng huy động (%)	13.1	13.2	13.6	13.3	13.1
Dư nợ cho vay/ Tổng TS (%)	69.1	69.5	70.4	70.7	70.4

Quy mô					
Số chi nhánh, phòng GD	643	647	660	670	680
Số lượng nhân viên	23,493	24,306	25,278	26,289	27,341

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2021.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

HSC có thể sử dụng các nghiên cứu trong báo cáo này cho hoạt động mua bán chứng khoán tự doanh hoặc mua bán chứng khoán cho các quỹ mà HSC đang quản lý. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo những gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên gia phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch chứng khoán trái ngược với ý kiến tư vấn và quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Nhân viên của HSC có thể có lợi ích tài chính ở những chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ có liên quan. HSC có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập đến trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Quận 1, TPHCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn